**IV. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG**

**1. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã**

**1.1 Trình tự thực hiện**

- Cơ sở công nghiệp nông thôn nộp (02) bộ hồ sơ (kèm theo bản điện tử) cho UBND cấp xã (sau khi nhận được thông tin về Kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phê duyệt)

- Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đề nghị đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã từ các cơ sở công nghiệp nông thôn.

 - Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xem xét, chấm điểm bình chọn các sản phẩm đáp ứng đủ điều kiện theo quy định để cấp Giấy chứng nhận.

**1.2. Địa điểm thực hiện:**

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 13 - 0273.3993889 tại địa chỉ: Số 377, Hùng Vương, Phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Quầy số 04 - 02773.898963 tại địa chỉ: Số 85, đường Nguyễn Huệ, Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

 - Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến (dichvucong.gov.vn).

 **1.3. Cách thức thực hiện**:

a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

**1.4.Thành phần, số lượng hồ sơ**

*a) Thành phần hồ sơ gồm:*

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn (Phụ lục số 1 kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu );

- Bản thuyết minh sản phẩm (Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu);

- 03 ảnh của sản phẩm, kích thước (10x15)cm;

- Tài liệu liên quan (nếu có) theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (được sửa đổi bởi Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ).

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

**1.5. Thời hạn giải quyết:** Theo Kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo từng kỳ bình chọn.

**1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công có sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn trên địa bàn cấp xã

**1.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã, phường.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng và Đô thị.

**1.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Quy định tại Phụ lục số 1, Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

**1.10. Phí, lệ phí:** Không.

**1.11.Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Sản phẩm đáp ứng điều kiện quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương);

 - Cơ sở sản xuất không thuộc danh mục cấm/hạn chế theo pháp luật hiện hành.

**1.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu;

- Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu;

- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

**1.13. Thành phần hồ sơ cần phải số hóa:**

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn .

- Bản thuyết minh sản phẩm.

**1.14. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính cần phải số hóa:**

Quyết định công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã

**Phụ lục 1**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **(Tên Cơ sở CNNT)**………………….\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***…………, ngày…… tháng…… năm …* |

 **PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA**

**BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

[ ]  cấp Xã [ ]  cấp Tỉnh [ ]  cấp Khu vực [ ]  cấp Quốc gia

 Kính gửi: Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

 **1. Tên cơ sở công nghiệp nông thôn**

Tên viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa có dấu*):

Tên viết tắt (*nếu có*): Mã số (*nếu có*): ……………………………

Địa chỉ trụ sở chính:

Họ và tên người đại diện theo pháp luật:

Chức danh: ……….......................................

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc trong các loại hình sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| [ ]  Công ty cổ phần | [ ]  Doanh nghiệp tư nhân | [ ]  Trung tâm |
| [ ]  Công ty TNHH | [ ]  Hợp tác xã | [ ]  Cơ sở sản xuất |
| [ ]  Hộ kinh doanh | [ ]  Khác (*ghi rõ loại hình*): ……………………………………. |

Tài khoản số: Chủ tài khoản:

Mở tại ngân hàng: Chi nhánh:

**2. Thông tin về chi nhánh** (*nếu có*)

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

**3. Thông tin về địa điểm sản xuất**

Tên địa điểm sản xuất: (*nếu nằm ngoài trụ sở chính và chi nhánh*)

Địa chỉ địa điểm sản xuất:

Các văn bản, giấy tờ liên quan đến địa điểm sản xuất:

**4. Ngành, nghề kinh doanh chính**

Số đăng ký kinh doanh, Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh:

Ngày cấp, nơi cấp………………………………….………………………………..

Các ngành, nghề kinh doanh chính

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên ngành** | **Mã ngành** |
|  |  |  |
|  |  |  |

**5. Quy mô vốn, tài sản và lao động**

Vốn đăng ký kinh doanh (*bằng số; VNĐ*):

Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*):

Vốn pháp định(*đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ*):…..

Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất:

Tổng số lao động hiện đang sử dụng:

Trong đó: Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội:

Thu nhập bình quân lao động (*bằng số VNĐ*/người):

**6. Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước**

Các giải thưởng: Huân huy chương, Bằng khen, Giấy khen, giấy chứng nhận đã đạt được:…………………………..…………………………..……………………….……;

[ ]  Đáp ứng đầy đủ các điều kiện về sản xuất, kinh doanh theo luật định;

[ ]  Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác theo luật định;

[ ]  Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường; đảm bảo các quyền lợi đối với người lao động;

[ ]  Khác (ghi chi tiết)…………………………………………………………………………………

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

**7. Tên sản phẩm hoặc bộ sản phẩm**:

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sản phẩm sau:

|  |  |
| --- | --- |
| [ ]  Thủ công mỹ nghệ | [ ]  Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm |
| [ ]  Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí | [ ]  Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):… |

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm, bộ sản phẩm nêu trên; sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác đối với các tài liệu, thông tin được cung cấp, kê khai trong hồ hơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu./.

  **Đại diện**

 **Cơ sở công nghiệp nông thôn**

 *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* )

**Phụ lục 2**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **(Tên Cơ sở CNNT)**………………….\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***…………, ngày…… tháng…… năm …* |

**THUYẾT MINH, MÔ TẢ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ**

**BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:

Địa chỉ:

Người đại diện: ; Chức vụ:……………………………

Điện thoại:.............................................................; Email:...........................................

**I. THÔNG TIN CHUNG**

Tên sản phẩm:

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sau:

|  |  |
| --- | --- |
| [ ]  Thủ công mỹ nghệ | [ ]  Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm |
| [ ]  Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí | [ ]  Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):… |

Kích cỡ (dài, rộng, cao): ………………………………………………………………..

Trọng lượng sản phẩm (kg): …………………………………………………………….

Ký hiệu sản phẩm (nếu có): ………………………………………………...…………..

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm: …………....................................………….

**II. NỘI DUNG THÔNG TIN CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN SẢN PHẨM**

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:

**1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ**

*1.1. Quy mô sản xuất và kinh doanh*:

Số lượng sản phẩm sản xuất/năm:…………………….

|  |  |
| --- | --- |
| Năm trước năm bình chọn.................... | Năm tham gia bình chọn:............................. |
| Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:............................................................................ |

Trong đó: Số lượng sản phẩm xuất khẩu/năm:…………………………………….…….

|  |  |
| --- | --- |
| Năm trước năm bình chọn.................... | Năm tham gia bình chọn:............................. |
| Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:............................................................................ |

Doanh thu của sản phẩm/năm:…………………………..

|  |  |
| --- | --- |
| Năm trước năm bình chọn............................ | Năm tham gia bình chọn:............................. |
| Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:....................................................................... |

Trong đó: Doanh thu của sản phẩm xuất khẩu/năm (nếu có):…………………………..

|  |  |
| --- | --- |
| Năm trước năm bình chọn............................ | Năm tham gia bình chọn:............................. |
| Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:....................................................................... |

Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):………………………..

Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm:…………………………………….

Tỉ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng trong nước.............%.

Tỉ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng nhập khẩu.............%.

Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:

|  |  |
| --- | --- |
| [ ]  Đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của thị trường và người tiêu dùng | [ ]  Có khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu |
| [ ]  Có khả năng sản xuất với số lượng lớn | [ ]  Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm |
| [ ]  Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác |  |
| [ ]  Đánh giá khác (*ghi chi tiết*):… |

Tóm tắt quy trình, công nghệ sản xuất sản phẩm:

Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm.

|  |  |
| --- | --- |
| [ ]  Công nghệ, thiết bị hiện đại; có khả năng tự động hóa trong sản xuất sản phẩm | [ ]  Công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm đồng bộ, phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp  |
| [ ]  Công nghệ, thiết bị ít tiêu hao năng lượng, nhiên liệu khi vận hành sản xuất | [ ]  Công nghệ, thiết bị sản xuất giảm thiểu gây hại môi trường  |
| [ ]  Đánh giá khác (*ghi chi tiết*):................................................................................................   |

***2.2. Về thị trường tiêu thụ:***

Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

|  |
| --- |
| Tỉ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường trong nước...................%.Tỉ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường ngoài nước..................%. |

Đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:

Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):

**2. Bảo vệ môi trường**

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm

**3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm**

Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc:………………………………..

Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:…………..........

Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:……………………

**4. Một số nội dung khác**

Các chứng nhận liên quan: Quy định đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc nhóm ngành sản xuất có điều kiện theo quy định pháp luật; (ví dụ: Giấp phép sản xuất; Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm,…).

Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:

Các giải thưởng, bằng khen, giấy chứng nhận,...đã đạt được:

Tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:………………………………

Tham gia các hoạt động công ích xã hội:……………………………………………......

Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):…………………………………………….

**III. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện****Cơ sở công nghiệp nông thôn***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* |

**1.1. Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC**

1.1.1 Thời gian thực hiện: theo Kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo từng kỳ bình chọn.

1.1.2 Trình tự thực hiện

Thời hạn giải quyết: theo Kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo từng kỳ bình chọn.

***- Trường hợp nhận hồ sơ tại Trung tâm PVHCC cấp xã (nơi có thẩm quyền giải quyết (trực tuyến, trực tiếp, BCCI)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian giải quyết** |
| 1 | Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đếnPhòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | Công chức TTPVHCC cấp xã | Theo Kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo từng kỳ bình chọn. |
| 2 | Giải quyết hồ sơ*(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể; thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục hành chính )* | Công chức Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã |
| 3 | Ký tắt hồ sơ | Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã |
| 4 | Ký duyệt hồ sơ | Lãnh đạo UBNDcấp xã |
| 5 | Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức TTPVHCC | Công chức nghiệp vụ văn thư |
| 6 | Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức | Công chức TTPVHCC | Giờ hành chính |